

Số: MM /GPMT-UBND

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Bệnh viện K tại Văn bản số 3560/BVK-QT ngày
13/11/2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho Bệnh viện K - Cơ sở
Tân Triều và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4456/TTr-
STNMT-TNN ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc cấp Giấy phép môi trường cho
Bệnh viện K - Cơ sở Tân Triều của Bệnh viện K tại số 30 đường Cầu Bươu, xã
Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Bệnh viện K được thực hiện các hoạt động bảo vệ
môi trường của cơ sở “Bệnh viện K - Cơ sở Tân Triều” tại số 30 đường Cầu
Bươu, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội với các nội dung như
sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện K - Cơ sở Tân Triều.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: số 30 đường Cầu Bươu, xã Tân Triều, huyện
Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
- 1.3. Quyết định thành lập: Bệnh viện K được thành lập trên cơ sở tách khoa
Ung thư thuộc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức theo Quyết định số 711/BYT-QĐ
ngày 17/7/1969 của Bộ Y tế.
- 1.4. Mã số thuế: 0100960469.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: cơ sở y tế khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa về ung thư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Quy mô bệnh viện: Tổng diện tích đất của bệnh viện là 66.641 m². Bao gồm các công trình chính sau:

+ Nhà kỹ thuật nghiệp vụ, khám và điều trị ngoại trú (nhà A): cao 05 tầng, tổng diện tích sàn là 23.300m².

+ Nhà điều trị nội trú (nhà B): cao 07 tầng, tổng diện tích sàn là 27.245m²

+ Nhà xạ trị, hậu cần (nhà C): cao 02 tầng, tổng diện tích sàn là 8.910m².

- Quy mô giường bệnh:

+ Giường bệnh kế hoạch (giường tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên) là 2.000 giường; trong đó 1.700 giường điều trị nội trú, 300 giường điều trị ban ngày.

+ Giường dịch vụ theo yêu cầu là 400 giường.

(Theo Quyết định số 2244/QĐ-BYT ngày 04/4/2018 của Bộ Y tế về việc giao chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh năm 2018 cho các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện K

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện K có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày ~~17~~ tháng **6** năm 2024 đến ngày ~~17~~ tháng **6** năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Thanh Trì tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. //

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND Thành phố: (để b/c)
- PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông:
- PCT UBND TP Vũ Thu Hà:
- VPUBTP: CVP, PCVP P.T.Huyện:
- Các phòng: TH, TNMT:
- Sở Tài nguyên và Môi trường:
- UBND huyện Thanh Trì:
- Bệnh viện K:
- Công thông tin điện tử Sở TN&MT:
- Lưu: VT, TNMT.

Mhs: 42922/2023

834(9)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thu Hà

7

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THỦ GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **MA** GPMT-UBND ngày **17** tháng **6** năm 2024 của UBND thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 2: nước thải y tế.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước của khu vực thuộc xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại số 30 đường Cầu Bươu, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000):

X = 2 318 990; Y = 582 843.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 950m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, K=1); cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 - 8,5	03 tháng/lần
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	
3	COD	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	

11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
12	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000
13	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh (nhà A, nhà B, nhà C) bao gồm nước đen (nước thải từ bồn cầu, bồn tiểu) được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn và nước xám (nước thải từ bồn rửa, thoát sàn) được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Nước thải từ khu bếp (nhà C) được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ 2 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Nước thải giặt là (nhà C) được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Nước thải y tế thông thường (từ quá trình rửa tay, vệ sinh dụng cụ y tế, xét nghiệm) (nhà A, nhà B) được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện

- Nước thải y tế từ khu vực xạ trị (sử dụng đồng vị điều trị I-131, Tc99, FDG-18), y học hạt nhân (nhà C) được thu gom về 03 bể giam xạ ($V = 115 \text{ m}^3/\text{bể}$). Sau thời gian bán rã, nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện. Tại mỗi bể đều có cảm biến để theo dõi mực nước thải trong bể. Nước thải được thu gom vào bể số 1 sau khi đầy được đóng lại và tiếp tục thu gom vào bể số 2, khi bể số 2 đầy nước thải tiếp tục được thu gom vào bể số 3. Sau khi mỗi bể đạt thời gian lưu từ 70-90 ngày, nước thải tại mỗi bể được lấy mẫu đi phân tích các chỉ tiêu phóng xạ α , β các chỉ tiêu trên đạt ngưỡng quy định cho phép nước thải mới được bơm về hệ thống xử lý nước thải chung của Bệnh viện. (Bệnh viện đã ban hành quy trình quản lý chất thải, nguồn phóng xạ và vận hành bể thải).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải $\rightarrow$ bể thu gom $\rightarrow$ bể tách váng, tách cặn vô cơ $\rightarrow$ bể điều hòa $\rightarrow$ cụm thiết bị xử lý hợp khối AAO gồm 10 modul (khoang đệm chuyển động $\rightarrow$ khoang tuần hoàn $\rightarrow$ khoang lọc và xử lý $\rightarrow$ khoang khử trùng $\rightarrow$ khoang thu nước sau xử lý) $\rightarrow$ hồ ga $\rightarrow$ nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: $950 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorin.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Tuân thủ quy trình kỹ thuật về vận hành hệ thống xử lý nước thải và kiểm tra định kỳ máy móc, thiết bị, vật liệu thuộc hệ thống xử lý nước thải. Khi xảy ra các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải phải kịp thời thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố như: kiểm soát lưu lượng tăng đột biến, khắc phục chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, khắc phục sự cố hỏng máy móc, thiết bị, vật liệu xử lý nước thải,...

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải đúng quy trình.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,

PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 444/GPMT-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của UBND thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác	18 01 04	62.000
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	155.000
3	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	19.000
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	100
5	Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải y tế	03 05 08	4.000

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Vỏ chai dịch truyền	20.000
2	Thủy tinh	150.000
3	Nhựa B (Chai lavie, vỏ chai nước muối nhựa cứng không chứa các thành phần nguy hại)	10.000
4	Thùng caton, vỏ hộp thuốc, vỉ thuốc bằng giấy	20.000
5	Bùn thải từ bể tự hoại	4.000
6	Dầu mỡ (từ hồ ga tách mỡ)	2.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 2.000 tấn năm.

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại chất thải theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 20/2011/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải nguy hại được phân loại ngay tại nguồn phát sinh chất thải và lưu chứa tại các hộp, thùng riêng biệt; các thùng chứa có nắp đậy, được dán nhãn tên, mã theo quy định và được lưu giữ tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại:

- + Chất thải y tế lây nhiễm (sắc nhọn, không sắc nhọn, có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải giải phẫu) đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng.

- + Chất thải nguy hại không lây nhiễm (dạng rắn, lỏng) đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu đen.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: được lưu giữ tại bể chứa bùn dung tích khoảng 52m^3 .

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại lây nhiễm:

- + Diện tích kho: $14,1\text{ m}^2$. Trong kho bố trí 15 thùng lưu chứa (màu vàng) có dung tích 240 lít/thùng.

- + Thiết kế, cấu tạo của kho: kho lưu giữ chất thải nguy hại được xây gạch, trần bê tông cốt thép, nền láng xi măng và lát gạch men, có cửa khóa và biển cảnh báo.

- 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm:

- + Diện tích kho: 7m^2 . Trong kho bố trí 07 thùng lưu chứa (màu đen) có dung tích 240 lít/thùng.

- + Thiết kế, cấu tạo của kho: kho lưu giữ chất thải nguy hại được xây gạch, trần bê tông cốt thép, nền láng xi măng và lát gạch men, có cửa khóa và biển cảnh báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn thông thường được phân loại, lưu chứa tại các thùng rác có nắp đậy; thùng màu xanh chứa chất thải thông thường; thùng màu trắng chứa chất thải thông thường phục vụ mục đích tái chế. Hàng ngày, chất thải được thu gom về kho lưu chứa chất thải thông thường.

- Bùn thải từ bể phốt và dầu mỡ từ bể tách mỡ được đơn vị có chức năng thu gom hút trực tiếp lên xe bồn vận chuyển xử lý theo quy định.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời: bố trí 02 kho lưu giữ chất thải rắn (y tế) tái chế:

- Diện tích kho: diện tích mỗi kho là $21,6\text{ m}^2$.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: kho lưu giữ chất thải rắn thông thường được xây gạch, trần bê tông cốt thép, nền láng xi măng và lát gạch men, có cửa khóa và biển cảnh báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: chất thải rắn sinh hoạt đựng trong thùng chứa rác màu xanh có nắp đậy, rác thải được thu gom tại các khu vực phát sinh.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt có diện tích khoảng 160m²; sân nền bê tông, khung thép, lợp mái tôn và có biển báo; bố trí các xe gom rác có dung tích 500 lít/xe để lưu giữ và được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển hàng ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với chủ dự án/cơ sở và thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Thực hiện các trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 83; chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Điều 81; chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Chương X Luật Bảo vệ môi trường, Chương IX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với đặc điểm hiện trạng. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Kèm theo Giấy phép môi trường số 44/GPMT-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của UBND thành phố Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÉ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định tại Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

6. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.